

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09-8-2024

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm: 1995, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 34 **H**, xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Bến Tre**. Chỗ ở hiện nay: 303 **C**, **đường Đ**, **Phường G**, thành phố **B**, tỉnh **Bến Tre**.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông **Hồ Quang P**, sinh năm: 2001, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 24 **L**, Khu phố **E**, **Phường B**, thị xã **K**, tỉnh **Long An**. Chỗ ở hiện nay: 303 **C**, **đường Đ**, **Phường G**, thành phố **B**, tỉnh **Bến Tre**.

Bị đơn: ông **Đinh Ngọc H**, sinh năm: 1996, nơi cư trú: **thôn T**, xã **G**, huyện **C**, tỉnh **Lâm Đồng**.

Bà **T**, ông **H** có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và các văn bản trình bày ý kiến bà **Trần Thị Thanh T** trình bày: Bà **T** và ông **H** đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Bến Tre** hai bên tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống bà và ông **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi với nhau, ông bà đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng không đạt được, tình cảm vợ chồng

không còn, bà và ông **H** không sống chung từ năm 2021 đến nay mạnh ai nấy không không quan tâm lẫn nhau mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông **H** được ly hôn.

Về con chung: không có; Về tài sản chung: Không có và về nợ chung: Không có.

*Tại đơn đề nghị về việc yêu cầu ly hôn vắng mặt của ông **Đinh Ngọc H** thể hiện:* ông và bà **T** không chung sống được với nhau, do ông đi làm ăn xa nên không thể tham gia phiên tòa xét xử và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết ly hôn với bà **T**; về con chung: ông và bà **T** không có con chung; về nợ chung: ông và bà **T** không có nợ chung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà **T** được ly hôn ông **H**; bà **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hôn nhân nên bà **Trần Thị Thanh T** xin ly hôn với ông **Đinh Ngọc H**; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà **T**, ông **H** tham gia phiên tòa nhưng ông, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân:* bà **T** và ông **H** tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Bến Tre** đăng ký kết hôn năm 2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà **T** xin ly hôn vì lý do cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi với nhau, ông bà đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông **H** không sống chung từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **H** đã xảy ra, các bên không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn xảy ra giữa ông **H**, bà **T** không còn sống chung và không quan tâm hỏi thăm lẫn nhau như vậy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà **T** cho bà **T** và ông **H** được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc ly hôn ông Đinh Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thanh T được ly hôn ông Đinh Ngọc H.

Về án phí: bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008353 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Cát Tiên;
- Chi cục THADS huyện Cát Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hiền

